Unit 9: PART 2:
VOCABULARY

ENGLISH	TYPE	VIETNAMESE
	(n)	Nhà nhiều tầng dưới lòng đất
	(adj)	Thân thiện với môi trường
	(n)	Siêu đô thị
	(n)	Biển
	(n)	Nhà thông minh
	(adj)	Ngầm dưới đất
	(n)	Máy in 3D
	(n)	Máy làm thức ăn tự động
	(n)	Thiết bị
	(n)	Máy bay không người lái
	(n)	Người máy giúp việc
	(n)	Màn hình
	(adj)	Thông minh
	(n)	Phi hành gia
	(n)	Trái đất
	(v)	Trôi, nổi
	(n)	Trọng lực
	(v)	Khóa lại
	(n)	Mặt trăng
	(n)	Trạm không gian
	(n)	Bộ quần áo vũ trụ
	(v)	Điều khiển
	(v)	Buộc/ Chói
	(n)	Đồ đạc
	(v)	Thảo luận
	(n)	Thuận lợi
	(n)	Thiết bị
	(v)	Nâng/ Nhấc
	(n)	*nhà thuyền*

LIVEWORKSHEETS

	(adj)	Đặc biệt
	(n)	Thông tin
	(n)	Triển lãm
	(v)	Phân phát/ Giao
	(n)	*máy rửa bát*

Task *1. Use the following words to write for each picture based on the definition. (Places & Things*

in a city	smart home	on the sea	megacity
under the sea	earthscraper	underground	eco-friendly home



1. A large city with more than ten million people living there.

_____



2.
The salty water that covers a large part of the surface of the earth

_____



3. Below the surface of the earth.

_____



4. A place where many people live, with many houses, stores, businesses,… and which is bigger than a town.

_____



5. A house which is friendly to environment. _____



6. Below the surface of the sea.

_____

LIVEWORKSHEETS

	
7. A house with a computer to run it. _____	**8.** A big apartment building under the ground. _____

Task 2. Complete the sentences with the appliances in the box.

wireless TV dishwasher washing machine computer robots
smart alarm clock hi-tech fridge skyscrapers motor home supercars

1. In the future, _____ will take care of the children and do all housework.
2. A _____ of the future will tell you what to have for dinner.
3. A _____ helps us watch TV programmes from space.
4. All you need to do is stick the dirty dishes in the rack; the _____ will automatically fill up and do its thing.
5. This _____ uses artificial intelligence to program your day.
6. The _____ of the future will wash, dry and fold your clothes.
7. Future _____ will be electric, self-repairing, but not self-driving.
8. My father will buy a _____ to surf Internet.
9. There are many _____ in our city. It seems that if people stand on top of it, they can touch the sky.
10. _____ is large vehicle designed for people to live and sleep in when they are travelling.

Task 3. Complete the sentences with given words.

palace	**look after**	**dishwasher**	**solar energy**	**probably**
telephone	**surrounding**	**skyscrapers**	**housework**	**fridge**

1. There is a high white fence _____ my houses.

LIVEWORKSHEETS

2. People use solar panels to get _____.
3. Queen and king live in _____.
4. There are many _____ in our city. It seems that if people stand on top of it, they can touch the sky.
5. Where will we keep the meat and vegetables? – In the _____.
6. I will help you wash the dishes. – It's not necessary. Just put them in the _____, and they will be washed automatically.
7. It is cloudy outside. It is _____ that there is going to be a rain.
8. I need to make a phone call. Where is the _____?
9. Who will _____ your children when you are out? – My mother.
10. Can I go out tonight, Mum? – OK, but not before you finish your _____.



PART 3: GRAMMAR

I. Future Simple ("Future simple tense" and "think")

1. Định nghĩa thì tương lai đơn

Thì tương lai đơn trong tiếng anh (**Simple future tense**) được dùng khi không có kế hoạch hay quyết định làm gì nào trước khi chúng ta nói. Chúng ta ra quyết định tự phát tại thời điểm nói. Thường sử dụng thì tương lai đơn với động từ to think trước nó.

2. Cách dùng thì tương lai đơn

Cách dùng thì tương lai đơn	**Ví dụ về thì tương lai đơn**
Diễn đạt một ……..……..	…….. …….. …….. …….. (
Đưa ra lời ……..., ……..., ……..	……..……..……→ lời yêu cầu. ……..……....→ lời mời ……..……..……→ lời yêu cầu. ……..……..……..→ lời mời
*** Diễn đạt dự đoán ……..**	. ……..……..…….. ……..……..……..

3. Dạng thức của thì tương lai đơn

Cấu trúc	**Ví dụ về thì tương lai đơn**

LIVEWORKSHEETS

+ Thể khẳng định: **……..……..** **……..……..**	- **……..……..** - **……..……..**
- Thể phủ định: **……..……..** **……..……..**	- **……..……..** - **……..……..**
? Thể nghi vấn & câu trả lời **……..……..……** **……..……..** **……..……..** **……..……..**	- **……..……..** ⇨ Yes, **……../** No, **…….**

4. Dấu hiệu nhận biết

- Trong câu thì tương lai đơn thường xuất hiện các từ sau:

…….. (tối nay); **……..** (ngày mai); **……..week/ month/ year**.... (tuần/ tháng/ năm sau), **……..** (một ngày nào đó); **……..** (chẳng bao lâu),...

- Ngoài ra các từ và cụm từ như:

I ……..., I ……..., ……..= …….. (có lẽ, có thể),...

II. Indefinite quantifiers

1. Small quantities: a few/ some

A few:

+ Dùng trong câu **……..**
+ Dùng với **……..**

……..……..……..……..

Ở đây a few friends nói đến **……..**mà cô ấy có là **……..**chứ không phải ám chỉ cô ấy **……..**

Some:

+ Dùng trong câu **……..**
+ Đứng trước **……..……..** và **……..……..**

2. Large quantities: many/ lots of/ a lot of

Many:

+ Thường dùng trong **……..** và **……..**, câu **……..**được dùng ít hơn
+ Đi với danh từ **……..**

Ex……..……..……..?

A lot of/ lots of:

+ Được dùng trong câu **……..**và câu **……..**
+ Đi với danh từ **……..**và danh từ **……..**
+ Thường mang nghĩa "informal" (thân mật, không trang trọng)

Ex: **……..……..**

III. Modal verb "might"*(Có thể)*

LIVEWORKSHEETS

1. "**Might**" là động từ ……., do đó nó không cần ……..và luôn cần một ……..không …….đằng sau.

Thể	Thể khẳng định	Thể phủ định
Cấu trúc	……..…….…… ……..	……..…….…… ……..
Chức năng	Dùng để nói về những hành động, sự việc có thể …….. nhưng ……..	Dùng để nói về những hành động, sự việc ……..trong tương lai nhưng ……..
Ví dụ:	……..……..	……..……..

2. Phân biệt "may" và "might"

	Might	May
Chức năng	Đều được dùng để nói về ……..……..	
Khả năng xảy ra	Diễn tả khả năng xảy ra …….. (<40%).	Diễn tả khả năng xảy ra …….. (40-50%).
Ví dụ	……..…….. ……..……..	……..…….. ……..……..

Task 1. Simple Future Tense.

I. Underline the correct answer.

1. Don't leave your keys on the table. You ***will / won't*** forget it.
2. Susan ***will / won't*** be very happy if she passes the exam.
3. Fra afraid I ***will / won't*** be able to come tomorrow.
4. I'm told you are ill. I hope you ***will / won't*** feel better again.
5. I'm sure you ***will / won't*** like that film. It's very frightening. Let's choose another one.
6. Turn on your laptop tonight We ***will / won't*** chat a little bit.
7. You needn't wear your cap. It ***will / won't*** be cold today.
8. I am really tired. I ***will / won't*** have a rest.

II. Make future simple questions.

1. _____ (people/ live) on the Moon someday?

LIVEWORKSHEETS

2. What _____ (the cars/ look) like in 20 years?
3. _____ (robots/ replace) humans?
4. Where _____ (you/ be) in 2040?
5. When _____ (humans/ live) on other planets?
6. _____ (houses/ be) more environmentally friendly in the future?
7. _____ (computers/ take) over the world?
8. How _____ (fashion/ change)?

Task 2 . ***Use the verbs in the box with "might" to complete the sentences***

shop	live	bite	change	break	need	rain	slip	wake	make

1. Take an umbrella with you when you go out. It _____ later.

2. Don't make too much noise. You _____ the baby.

3. Be careful of that dog. It _____ you

4. I don't think we should throw that letter away. We _____ it later.

5. Be careful. The footpath is very icy. You _____.

6. Don't let the children play in this room. They _____ something.

7. Home robot helper _____all our housework.

8. We _____in smart homes.

9. We _____online and drones will deliver our food.

10. How _____ homes _____ in the future?



LISTENING

Task 1. Listen and decide if the following statements are true (T) or false (F).

You are going to hear a friend talking about his house in the future

1. The house will look like a sheep. .....
2. The house will have more than 2 rooms. .....
3. There will be a room for guests. .....
4. It will be a bit noisy surrounding the house. .....
5. The friend will have to go to buy food very often. .....

LIVEWORKSHEETS

Task 2. Listen again and fill in the blanks with the missing words.



I think that my house in the future will look like a spaceship. It will be on the top of a green _____. It will be a quiet place with only few people. There will be _____in my house. One of them is a beautiful room for my guests. The walls will be painted blue with some decorations about_____. The environment in my place will be perfect. There will be a lot of green trees, fresh air, no litter, no smoke and no noises. I will plant my favorite kinds of _____and I will raise some _____ and fish. I won't have to go to the market often.

SPEAKING

Task 1. Match the two halves of the sentences.

1. I would love a self-cleaning house		A. so I could watch programmes from space
2. I would like an eco-house		B. that could automatically wash, dry and fold my clothes.
3. I would like a front door		C. that does all the housework for me.
4. I would like a wireless TV		D. that automatically makes itself every morning.

LIVEWORKSHEETS

5. I would like a robot chef		E. that could re-order fresh food and offer up recipes.
6. I would love a bed		F. with a fingerprint scanner for security.
7. I would like a hi-tech fridge		G. that could cook all my meals for me.
8. I would love a smart washing machine		H. that uses renewable energy

Task 2. Make questions for the underlined parts.

1.		I <u>am drawing</u> my dream house.
2.		I like water, so I want to live in <u>a houseboat</u>.
3.		It will be located <u>on the ocean</u>.
4.		Maybe it will be on <u>Atlantic Ocean</u>
5.		In my house, I'll have <u>smart appliances</u>. And everything will be wireless.
6.		I will travel to work <u>by a super car-boat</u> that can travel on land as well as on water.



READING

Task 1. Read and decide if the statements are True (T) or False (F)

MY DREAM HOUSE

My dream house will be outside the city surrounded by a big garden full of flowers and trees. I love looking after the flowers and having breakfast in the garden. The house will be a place where I can find peace, fresh air and happiness. It will be a big house with five or six bedrooms, large living

LIVEWORKSHEETS

1. The writer likes a kitchen without modern appliances. .....

2. The writer doesn't like his dream house to be near the city .....

3. The writer never goes shopping. .....

Task 2. Read the passage and answer the questions.

. Read the article. Choose the correct answer (A, B, or C).

The Future Houses Exhibition

Helen Karter, November 12

Last weekend, my family went to the Future Houses Exhibition. It was really interesting to see how homes will change in the future. People might live in a lot of different places, like underground or under the sea. Many homes will be smart homes with robot helpers that do the chores. Other smart devices will even cook for us. I do not think I would like to live in a smart home. The technology might not work well. Now, you go to the toilet.

In the future, you will use a smart toilet. What if the computer breaks? No, thanks! I really want to live in an eco-friendly home somewhere in the country.

1. What will robot helpers do?
A. nothing **B.** homework **C.** housework
2. What will other smart devices do?
A. play video games **B.** do the shopping **C.** make food
3. Why does Helen think living in a smart home is a bad idea?
A. She thinks that some devices might break. **B.** She cannot afford one.
C. She doesn't like robots.
4. Where does Helen want to live?
A. under the sea **B.** in the country **C.** underground
5. What kind of home does Helen want?
A. one that is good for the environment **B.** one with a smart toilet
C. a smart home



WRITING

LIVEWORKSHEETS

Task1. ***Write full sentences using the words***

1. Where/you/think/people/live/future?

_____

2. We/might/have/automatic food machines.

_____

3. I/think/a few/people/live/earthscrapers.

_____

4. A lot of/people/live/cities/on/sea.

_____

5. How/astronauts/sleep/space?

_____

6. What/you/think/homes/be like?

_____

7. l/think/many people/have/robot helpers.

_____

8. They/have to/use/special/toilet.

_____

Task 2. Write about your future house.



.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

LIVEWORKSHEETS